

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 259/2006/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động
của Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng không Việt Nam

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp nhà nước ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 153/2004/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2004 của Chính phủ về tổ chức, quản lý tổng công ty nhà nước và chuyển đổi tổng công ty nhà nước, công ty nhà nước độc lập theo mô hình công ty mẹ - công ty con;

Căn cứ Nghị định số 132/2005/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ về thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với công ty nhà nước; Nghị định số 86/2006/NĐ-CP ngày 21 tháng 8 năm 2006 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2005/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ về thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với công ty nhà nước;

Xét đề nghị của Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng không Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng không Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Hội đồng quản trị Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng không Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của

Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng không Việt Nam

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 259/2006/QĐ-TTg
ngày 13 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Trừ trường hợp các điều khoản của Điều lệ này quy định khác, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) "Tổ hợp công ty mẹ - công ty con": là tổ hợp các doanh nghiệp bao gồm công ty mẹ và các công ty con;

b) "Tổng công ty" là Tổng công ty Hàng không Việt Nam, là Công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con;

c) "Cổ phần chi phối, vốn góp chi phối của Tổng công ty": là cổ phần hoặc vốn góp của Tổng công ty chiếm trên 50% vốn điều lệ của công ty con;

d) "Quyền chi phối của Tổng công ty": là quyền của Tổng công ty quyết định hoặc tác động đến các công ty con, công ty bị chi phối về điều lệ hoạt động, nhân sự chủ chốt, tổ chức bộ máy quản lý, bí quyết công nghệ, thương hiệu, thị trường, chiến lược kinh doanh, định hướng đầu tư và các quyết định quan trọng khác được quy định theo điều lệ của công ty con, công ty bị chi phối đó hoặc theo thỏa thuận giữa Tổng công ty với công ty con, công ty bị chi phối đó;

đ) "Công ty con": là công ty do Tổng công ty đầu tư 100% vốn điều lệ hoặc do Tổng công ty giữ cổ phần chi phối, vốn góp chi phối, được tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm

hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty liên doanh với nước ngoài, công ty ở nước ngoài;

e) "Đơn vị phụ thuộc Tổng công ty" là đơn vị do Hội đồng quản trị Tổng công ty quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể, bao gồm văn phòng đại diện, chi nhánh, đơn vị hạch toán phụ thuộc và đơn vị phụ thuộc khác;

g) "Công ty liên kết" là doanh nghiệp mà Tổng công ty có cổ phần, hoặc vốn góp không chi phối, được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty liên doanh với nước ngoài, công ty ở nước ngoài;

h) "Công ty tự nguyện tham gia liên kết" là doanh nghiệp không có cổ phần, vốn góp của Tổng công ty, nhưng tự nguyện tham gia thành viên của Tổng công ty, chịu sự ràng buộc về quyền, nghĩa vụ với Tổng công ty theo hợp đồng liên kết hoặc theo thỏa thuận giữa Tổng công ty với công ty đó;

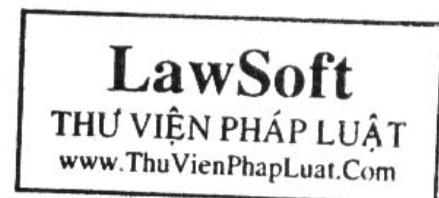
i) "Đầu tư vốn ra ngoài Tổng công ty" là hoạt động dùng vốn, tài sản hoặc thương hiệu của Tổng công ty để đầu tư, góp vốn vào doanh nghiệp ngoài công ty mẹ, như: góp vốn liên doanh, liên kết, mua cổ phiếu, trái phiếu, đầu tư tăng vốn góp vào các công ty con, công ty liên kết, công ty khác;

2. Các từ ngữ khác trong Điều lệ này đã được giải nghĩa trong Bộ luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp, Luật Doanh nghiệp nhà nước và các văn bản pháp luật khác thì có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó.

Điều 2. Tên, biểu tượng và trụ sở của Tổng công ty

1. Tên gọi đầy đủ: Tổng công ty Hàng không Việt Nam
2. Tên giao dịch quốc tế: VIETNAM AIRLINES CORPORATION.
3. Tên viết tắt: VIETNAM AIRLINES
4. Biểu tượng: "Bông sen vàng"

 **Vietnam Airlines**



5. Trụ sở chính của Tổng công ty đặt tại thành phố Hà Nội.

Điều 3. Hình thức pháp lý và tư cách pháp nhân của Tổng công ty

1. Tổng công ty Hàng không Việt Nam là tổng công ty nhà nước, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước, do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, hoạt

động theo mô hình công ty mẹ - công ty con theo Quyết định số 372/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2003.

2. Tổng công ty có:

a) Tư cách pháp nhân, có con dấu và được mở tài khoản tiền đồng Việt Nam và ngoại tệ tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật;

b) Vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ bằng toàn bộ tài sản của mình; chịu trách nhiệm dân sự và thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với các công ty con, công ty liên kết trong phạm vi số vốn do Tổng công ty đầu tư;

c) Trách nhiệm kế thừa các quyền, nghĩa vụ pháp lý và lợi ích hợp pháp của Tổng công ty Hàng không Việt Nam trước đây;

d) Quyền sở hữu, sử dụng, định đoạt đối với tên gọi, biểu tượng, thương hiệu của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Mục tiêu và ngành, nghề, phạm vi kinh doanh của Tổng công ty

1. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty là:

a) Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước đầu tư tại Tổng công ty và các công ty con; hoàn thành các nhiệm vụ do Nhà nước giao, trong đó có chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước;

b) Tối đa hóa hiệu quả hoạt động của tổ hợp công ty mẹ - công ty con.

2. Lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty bao gồm:

a) Đầu tư, quản lý vốn đầu tư và trực tiếp sản xuất, kinh doanh:

- Vận chuyển hàng không đối với hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu kiện, bưu phẩm, thư;

- Bảo dưỡng tàu bay, động cơ, phụ tùng, thiết bị hàng không và các thiết bị kỹ thuật khác; sản xuất linh kiện, phụ tùng, vật tư tàu bay và các thiết bị kỹ thuật khác; cung ứng các dịch vụ kỹ thuật và vật tư phụ tùng cho các hãng hàng không trong nước và nước ngoài;

- Xuất, nhập khẩu tàu bay, động cơ, phụ tùng, thiết bị hàng không (thuê, cho thuê, thuê mua và mua, bán) và những mặt hàng khác theo quy định của Nhà nước;

- Cung ứng các dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; các dịch vụ tại

nhà ga hành khách, ga hàng hóa; dịch vụ giao nhận hàng hóa; dịch vụ thương nghiệp, bán hàng miễn thuế tại nhà ga hàng không và tại các tỉnh, thành phố; các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không, sân bay và các dịch vụ hàng không khác;

- Dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không; các nhà sản xuất tàu bay, động cơ, thiết bị, phụ tùng tàu bay; các công ty vận tải, du lịch trong nước và nước ngoài;

- Hoạt động hàng không chung (bay chụp ảnh địa hình, khảo sát địa chất, bay hiệu chuẩn các đài dẫn đường hàng không, sửa chữa bảo dưỡng đường điện cao thế, phục vụ dầu khí, trồng rừng, kiểm tra môi trường, tìm kiếm cứu nạn, cấp cứu y tế, bay phục vụ cho nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng...);

- Sản xuất, chế biến, xuất, nhập khẩu thực phẩm để phục vụ trên tàu bay, các dụng cụ phục vụ dây chuyền vận tải hàng không; xuất - nhập khẩu và cung ứng xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng) và xăng dầu khác tại các cảng hàng không, sân bay và các địa điểm khác;

- Tài chính, cho thuê tài chính, ngân hàng;

- In, xây dựng, tư vấn xây dựng, xuất, nhập khẩu lao động và các dịch vụ khoa học, công nghệ.

b) Đầu tư ra nước ngoài; mua, bán doanh nghiệp; góp vốn, mua cổ phần hoặc chuyển nhượng vốn góp, bán cổ phần theo quy định của pháp luật;

c) Các lĩnh vực, ngành, nghề khác theo quy định của pháp luật.

3. Phạm vi kinh doanh: trong nước và ngoài nước.

Điều 5. Vốn điều lệ của Tổng công ty

Vốn điều lệ của Tổng công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2006 là: 5.738 tỷ đồng (năm nghìn bảy trăm ba mươi tám tỷ đồng). Khi tăng, giảm vốn điều lệ, Tổng công ty đăng ký lại với cơ quan đăng ký kinh doanh và công bố vốn điều lệ đã điều chỉnh.

Điều 6. Chủ sở hữu và đại diện chủ sở hữu Tổng công ty

1. Nhà nước là chủ sở hữu Tổng công ty Hàng không Việt Nam. Chính phủ thống nhất quản lý và tổ chức thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với Tổng công ty. Thủ tướng Chính phủ trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Hội đồng quản trị

Tổng công ty thực hiện một số quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với Tổng công ty.

2. Hội đồng quản trị Tổng công ty là cơ quan đại diện trực tiếp chủ sở hữu nhà nước tại Tổng công ty và là đại diện chủ sở hữu đối với các công ty do mình đầu tư toàn bộ vốn điều lệ.

Điều 7. Đại diện theo pháp luật của Tổng công ty

Tổng giám đốc Tổng công ty là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

Điều 8. Quan hệ của Tổng công ty với các cơ quan quản lý nhà nước

Tổng công ty chịu sự quản lý nhà nước của cơ quan nhà nước các cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội trong Tổng công ty

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Tổng công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội trong Tổng công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ đối với vốn và tài sản của Tổng công ty

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp nhà nước và Quy chế quản lý tài chính của Tổng công ty.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ trong sản xuất, kinh doanh

1. Quyền trong sản xuất, kinh doanh:

a) Chủ động tổ chức sản xuất, kinh doanh; tổ chức bộ máy quản lý theo yêu cầu kinh doanh; phạm vi kinh doanh trong nước và ngoài nước;

b) Kinh doanh những ngành, nghề quy định tại Điều 4 của Điều lệ này và những ngành, nghề khác mà pháp luật không cấm; mở rộng quy mô kinh doanh theo khả năng của Tổng công ty và nhu cầu của thị trường trong nước và ngoài nước;

c) Quyết định tổ chức bộ máy quản lý phù hợp với chiến lược phát triển của Tổng công ty và mục tiêu, nhiệm vụ Nhà nước giao; mở chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty ở trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật; chỉ định đại lý, tổng đại lý bán vé trong nước và ngoài nước;

d) Quyết định các dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư; quyết định sử dụng vốn, tài sản của Tổng công ty để liên doanh, liên kết, góp vốn vào doanh nghiệp khác ở trong nước và ngoài nước; quyết định thuê, mua một phần hoặc toàn bộ một doanh nghiệp khác; được quyền sử dụng vốn thu về do cổ phần hóa công ty nhà nước thuộc Tổng công ty, do nhượng, bán, một phần hoặc toàn bộ một đơn vị phụ thuộc Tổng công ty theo quy định của pháp luật;

đ) Sử dụng vốn của Tổng công ty hoặc vốn huy động để đầu tư thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; cùng với các nhà đầu tư khác thành lập công ty cổ phần hoặc công ty trách nhiệm hai thành viên trở lên;

e) Quyết định phương án thuê, cho thuê tàu bay dân dụng và các tài sản khác; mua, bán, thuê và cho thuê động cơ tàu bay dân dụng và các thiết bị, vật tư chuyên dụng khác phù hợp với quy định của pháp luật về đầu tư và tài chính;

g) Quyết định giá cước vận chuyển hàng không quốc tế; quyết định giá cước vận chuyển hàng không nội địa theo quy định của Chính phủ; quyết định khung giá hoặc giá mua, giá bán vật tư, nguyên liệu, sản phẩm và dịch vụ chủ yếu theo quy định của pháp luật; thống nhất giá xuất khẩu tối thiểu, giá nhập khẩu tối đa trong Tổng công ty, trừ những sản phẩm và dịch vụ do Nhà nước định giá. Quyết định thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng; quy định đơn giá sản phẩm, dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị hạch toán phụ thuộc trong Tổng công ty; quyết định các giải pháp phối hợp giữa Tổng công ty với các doanh nghiệp trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con, theo nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng lợi ích của nhau và thông qua hợp đồng kinh tế;

h) Quyết định đổi mới, hiện đại hóa công nghệ và phương thức quản lý để đảm bảo an toàn, nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh;

i) Xây dựng, áp dụng các định mức lao động, vật tư, đơn giá tiền lương và chi phí khác trên cơ sở đảm bảo hiệu quả kinh doanh của Tổng công ty và phù hợp với quy định của pháp luật;

k) Tuyển chọn, thuê, bố trí, sử dụng, đào tạo, khen thưởng, kỷ luật, cho thôi việc đối với lao động; bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động; lựa chọn các hình

thức trả lương, thưởng, quyết định mức lương, thưởng cho người lao động theo công hiến và hiệu quả lao động; xây dựng và tổ chức thực hiện nội quy lao động, đăng ký với cơ quan quản lý lao động địa phương; thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác của người sử dụng lao động không trái với các quy định của Bộ luật Lao động và các quy định khác của pháp luật;

1) Quan hệ với các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; mời và tiếp tại Việt Nam đối tác nước ngoài của Tổng công ty; quyết định cử cán bộ, nhân viên của Tổng công ty và cán bộ do Tổng công ty cử tham gia quản lý vốn tại các doanh nghiệp khác ra nước ngoài công tác, học tập, tham quan, khảo sát, đàm phán, ký kết hợp đồng kinh tế theo quy định của Nhà nước. Đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Tổng công ty đi công tác nước ngoài thực hiện theo quy định của Chính phủ;

2. Nghĩa vụ trong sản xuất, kinh doanh

a) Đăng ký kinh doanh và tổ chức hoạt động kinh doanh theo đúng các ngành, nghề đã đăng ký; bảo đảm chất lượng sản phẩm và dịch vụ do Tổng công ty thực hiện theo tiêu chuẩn đã đăng ký; chịu trách nhiệm trước đại diện chủ sở hữu về kết quả kinh doanh của Tổng công ty và trước khách hàng, trước pháp luật về sản phẩm và dịch vụ do Tổng công ty cung ứng;

b) Đổi mới, hiện đại hóa công nghệ và phương thức quản lý để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh;

c) Bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động, bảo đảm quyền tham gia quản lý công ty của người lao động quy định tại Mục 3 Chương IV của Luật Doanh nghiệp nhà nước;

d) Tuân thủ các quy định của Nhà nước về quốc phòng, an ninh quốc gia, văn hóa, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh; phòng chống cháy, nổ;

đ) Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán và báo cáo tài chính, báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của chủ sở hữu nhà nước;

e) Chịu sự giám sát, kiểm tra của chủ sở hữu nhà nước; chấp hành các quyết định về thanh tra của cơ quan tài chính và cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

g) Chịu trách nhiệm trước người đầu tư vốn về việc sử dụng vốn để đầu tư thành lập doanh nghiệp khác;

h) Có nghĩa vụ tham gia thực hiện các chỉ tiêu pháp lệnh, nhiệm vụ chính trị, xã hội do Nhà nước giao và thực hiện các nghĩa vụ khác trong kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ về tài chính

Theo Quy chế quản lý tài chính của Tổng công ty.

Điều 13. Trách nhiệm của Tổng công ty với các công ty con, công ty liên kết trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con

1. Tổng công ty định hướng chiến lược kinh doanh chung của tổ hợp công ty mẹ - công ty con, phù hợp với điều lệ của các công ty con.

Tổng công ty không điều hành trực tiếp hoạt động sản xuất, kinh doanh của các công ty con, công ty liên kết mà thực hiện quyền, nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn thông qua người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty tại các công ty đó để bảo đảm hiệu quả đầu tư vốn và thực hiện mục tiêu, chiến lược phát triển chung của tổ hợp công ty mẹ - công ty con.

2. Tổng công ty thực hiện hoạt động nghiên cứu, tiếp thị, xúc tiến thương mại, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con mở rộng và nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

3. Tổng công ty không được lạm dụng quyền chi phối theo vốn góp làm tổn hại đến lợi ích của các công ty con, chủ nợ, cổ đông, thành viên góp vốn khác và các bên có liên quan. Tổng công ty phải tôn trọng quyền của cổ đông, bên có vốn góp thiểu số trong các công ty con, công ty liên kết, phù hợp với quy định trong điều lệ của các doanh nghiệp đó.

4. Trường hợp thực hiện các hoạt động sau đây mà không có sự thỏa thuận với các công ty con, gây thiệt hại cho các công ty con và các bên liên quan thì Tổng công ty phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho các công ty đó và các bên liên quan:

a) Buộc công ty con phải ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế không bình đẳng và bất lợi đối với các công ty này;

b) Điều chuyển vốn, tài sản của công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên gây thiệt hại cho công ty bị điều chuyển, trừ các trường hợp: điều

chuyển theo phương thức thanh toán, quyết định tổ chức lại công ty, thực hiện mục tiêu cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

c) Điều chuyển một số hoạt động kinh doanh có hiệu quả, có lãi từ công ty con này sang công ty con khác mà không có sự thỏa thuận của công ty bị điều chuyển, dẫn đến công ty đó bị lỗ hoặc giảm sút lợi nhuận nghiêm trọng;

d) Quyết định các nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh đối với các công ty con trái với điều lệ và pháp luật;

đ) Buộc công ty con cho Tổng công ty hoặc công ty con khác vay vốn với lãi suất thấp, với điều kiện vay và thanh toán không hợp lý hoặc phải cung cấp các khoản tiền vay để Tổng công ty, công ty con khác thực hiện các hợp đồng kinh tế có nhiều rủi ro đối với hoạt động kinh doanh của công ty con đó.

Chương III

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ SỞ HỮU NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI TỔNG CÔNG TY

Điều 14. Quyền của chủ sở hữu nhà nước đối với Tổng công ty

1. Thủ tướng Chính phủ trực tiếp thực hiện một số quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với Tổng công ty sau đây:

a) Quyết định mục tiêu, chiến lược, kế hoạch dài hạn và ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị Tổng công ty, ý kiến của Bộ Giao thông vận tải và Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

b) Quyết định tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu Tổng công ty; quyết định cơ cấu tổ chức quản lý của Tổng công ty; việc thành lập, tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và đơn vị sự nghiệp theo đề nghị của Hội đồng quản trị, ý kiến của Bộ Giao thông vận tải, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính;

c) Phê duyệt Điều lệ, phê duyệt sửa đổi và bổ sung Điều lệ của Tổng công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị, ý kiến của Bộ Giao thông vận tải, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính;

d) Quyết định việc đầu tư, mua, bán, chuyển nhượng tàu bay, góp vốn đầu tư, liên doanh, liên kết theo thẩm quyền; phê duyệt chủ trương vay, cho vay, thuê, cho

thuê của Tổng công ty; phê duyệt phương án mua công ty thuộc thành phần kinh tế khác theo đề nghị của Hội đồng quản trị Tổng công ty và theo quy định của pháp luật về đầu tư;

d) Quyết định phương án huy động vốn dẫn đến thay đổi sở hữu Tổng công ty;

e) Xác định vốn điều lệ ban đầu; quyết định đầu tư bổ sung, tăng giảm vốn điều lệ của Tổng công ty;

g) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty theo đề nghị của Bộ Giao thông vận tải và thẩm định của Bộ Nội vụ;

h) Chấp thuận đề Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc Tổng công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và thẩm định của Bộ Giao thông vận tải;

i) Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;

k) Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Bộ Giao thông vận tải thực hiện một số quyền đối với Tổng công ty như sau:

a) Trình Thủ tướng Chính phủ quyết định các vấn đề của Tổng công ty theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

b) Chỉ đạo, định hướng Tổng công ty xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển theo ngành kinh tế và theo vùng kinh tế theo quy định của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam;

c) Trình Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty;

d) Quyết định xếp lương, nâng lương, phụ cấp lương đối với Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty;

đ) Thẩm định việc thực hiện quy trình, thủ tục, tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, miễn nhiệm cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc Tổng công ty do Hội đồng quản trị Tổng công ty trình Thủ tướng Chính phủ;

e) Tham gia kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng vốn, đánh giá kết quả kinh doanh của Tổng công ty;

g) Quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Bộ quản lý ngành theo quy định của pháp luật.

3. Bộ Tài chính thực hiện một số quyền của chủ sở hữu đối với Tổng công ty như sau:

a) Xác định vốn, tài nguyên và các nguồn lực khác mà Nhà nước giao cho Tổng công ty quản lý, sử dụng; đầu tư bổ sung vốn điều lệ cho Tổng công ty theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

b) Tham gia đánh giá kết quả hoạt động và quản lý của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Tổng công ty theo quy định của Chính phủ;

c) Thỏa thuận Quy chế quản lý tài chính của Tổng công ty;

d) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng vốn, phân phối thu nhập, trích lập và sử dụng các quỹ của Tổng công ty;

đ) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

4. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ và các cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong các lĩnh vực liên quan đối với Tổng công ty đã được pháp luật quy định cho các cơ quan này.

5. Tổng công ty chịu sự quản lý nhà nước và chấp hành các quy định, nghĩa vụ về hành chính của chính quyền địa phương các cấp theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với Tổng công ty

1. Tuân thủ các điều đã quy định tại Điều lệ của Tổng công ty liên quan đến chủ sở hữu.

2. Bảo đảm quyền tự chủ kinh doanh, tự chịu trách nhiệm của Tổng công ty; không trực tiếp can thiệp vào hoạt động kinh doanh của Tổng công ty, các công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và bộ máy quản lý của Tổng công ty.

3. Đầu tư đủ vốn điều lệ cho Tổng công ty.

4. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của Tổng công ty.

5. Tuân thủ theo các quy định của pháp luật về hợp đồng trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê và cho thuê giữa Tổng công ty và đại diện chủ sở hữu.

6. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương IV

TỔ CHỨC QUẢN LÝ TỔNG CÔNG TY

Điều 16. Cơ cấu tổ chức quản lý

1. Tổng công ty có cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành gồm: Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; Tổng giám đốc; các Phó tổng giám đốc; kế toán trưởng và bộ máy giúp việc.

2. Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành của Tổng công ty có thể thay đổi để phù hợp với yêu cầu kinh doanh trong quá trình hoạt động. Tổng công ty trình Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều lệ khi thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Mục 1

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 17. Chức năng và cơ cấu của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan đại diện trực tiếp chủ sở hữu nhà nước tại Tổng công ty, có quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến việc xác định và thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và quyền lợi của Tổng công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu phân cấp cho các cơ quan, tổ chức khác là đại diện chủ sở hữu thực hiện.

2. Hội đồng quản trị là đại diện chủ sở hữu đối với các công ty con do Tổng công ty đầu tư toàn bộ vốn điều lệ và đại diện chủ sở hữu phần vốn góp của Tổng công ty đầu tư ở các doanh nghiệp khác.

3. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ và trước pháp luật về mọi hoạt động của Tổng công ty.

4. Hội đồng quản trị có không quá 07 thành viên do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bổ nhiệm lại. Hội đồng quản trị gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thành viên chuyên trách và thành viên không chuyên trách. Chủ tịch Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị kiêm Trưởng Ban kiểm

soát phải là thành viên chuyên trách. Thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm Tổng giám đốc.

Điều 18. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị

1. Nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn, đất đai, tài nguyên và các nguồn lực khác do Nhà nước đầu tư hoặc giao cho Tổng công ty.

2. Quyết định mục tiêu, chiến lược, kế hoạch dài hạn và ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; quyết định kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng công ty.

3. Quyết định mục tiêu, chiến lược, kế hoạch dài hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm và ngành, nghề kinh doanh của các công ty con do Tổng công ty sở hữu toàn bộ vốn điều lệ.

4. Quyết định việc đầu tư vào các công ty con; quyết định sử dụng vốn của Tổng công ty để đầu tư thành lập công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sau khi có sự chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ; quyết định mua cổ phần, góp vốn vào doanh nghiệp khác nhưng không vượt quá mức vốn đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị quy định tại khoản 6 Điều này; quyết định phương án phối hợp kinh doanh của Tổng công ty với các công ty con; điều chỉnh vốn, các nguồn lực khác do Tổng công ty đầu tư vào các công ty con theo Quy chế quản lý tài chính của Tổng công ty, Điều lệ của các công ty đó và theo quy định của pháp luật.

5. Quyết định tiếp nhận doanh nghiệp làm công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty sau khi có sự chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ, công ty tự nguyện tham gia liên kết với Tổng công ty.

6. Quyết định hoặc phân cấp, ủy quyền cho Tổng giám đốc quyết định:

a) Các dự án đầu tư, góp vốn, mua cổ phần của các công ty khác, bán tài sản có giá trị đến 50% tổng giá trị tài sản còn lại được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty, trừ những tài sản do Chính phủ quy định, quyết định;

b) Các hợp đồng vay, cho vay, thuê, cho thuê và các hợp đồng kinh tế khác theo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế quản lý tài chính của Tổng công ty và theo quy định của pháp luật;

c) Mua, bán linh kiện, phụ tùng, vật tư tàu bay và các thiết bị kỹ thuật hàng không khác.

7. Quyết định phương án huy động vốn để hoạt động kinh doanh.
8. Quyết định thành lập các hội đồng tư vấn của Tổng công ty để xây dựng các dự án, đề án thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị phê duyệt hoặc trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.
9. Quyết định và giám sát thực hiện các định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá tiền lương, tiêu chuẩn sản phẩm, nhãn hiệu hàng hóa, giá sản phẩm và dịch vụ trong Tổng công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc, trên cơ sở quy định chung của ngành và quốc gia; quyết định các giải pháp khoa học công nghệ, phát triển thị trường và tiếp thị.
10. Quyết định phương án, cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý, tổ chức kinh doanh, quy hoạch, đào tạo nguồn nhân lực và tổng biên chế của Tổng công ty; quyết định hoặc ủy quyền cho Tổng giám đốc quyết định các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty.
11. Quyết định thành lập, giải thể, tổ chức lại chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị phụ thuộc Tổng công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc.
12. Quyết định hoặc phân cấp, ủy quyền cho Tổng giám đốc quyết định các dự án góp vốn liên doanh với chủ đầu tư nước ngoài, dự án đầu tư ra nước ngoài của công ty con do Tổng công ty nắm giữ toàn bộ vốn điều lệ; phê duyệt đề án góp vốn của các công ty con do Tổng công ty nắm giữ toàn bộ vốn điều lệ để thành lập mới các công ty cổ phần nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên ngoài ngành, lĩnh vực, địa bàn quy định tại Điều 6 Luật Doanh nghiệp nhà nước.
13. Quyết định những nội dung do Tổng giám đốc Tổng công ty, Hội đồng thành viên công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty ở doanh nghiệp khác trình hoặc do thủ trưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân trình theo yêu cầu của Hội đồng quản trị Tổng công ty.
14. Phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của các đơn vị hạch toán phụ thuộc, đơn vị sự nghiệp, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty sở hữu toàn bộ vốn điều lệ; phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị phụ thuộc khác.
15. Quyết định tuyển chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật đối với Tổng giám đốc sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận. Quyết định mức lương của Tổng giám đốc.

16. Quyết định tuyển chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, mức lương, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng Tổng công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc; đối với các ủy viên Ban kiểm soát Tổng công ty và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định của Chính phủ.

17. Quyết định cử người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty ở doanh nghiệp khác theo đề nghị của Tổng giám đốc.

18. Phê chuẩn đề Tổng giám đốc quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật và mức lương đối với:

a) Trưởng Ban hoặc chức danh tương đương thuộc bộ máy quản lý của Tổng công ty;

b) Giám đốc và kế toán trưởng các đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng công ty;

c) Cấp Trưởng đơn vị và kế toán trưởng hoặc Trưởng phòng tài chính kế toán các đơn vị phụ thuộc và đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng công ty.

19. Ban hành Quy chế quản lý tài chính của Tổng công ty sau khi có ý kiến của Bộ Tài chính. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty, báo cáo tài chính hàng năm của công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và báo cáo tài chính hợp nhất của tổ hợp công ty mẹ - công ty con. Thông qua phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế và xử lý những vấn đề tài chính doanh nghiệp do Tổng giám đốc hoặc Trưởng Ban kiểm soát trình Hội đồng quản trị trên cơ sở Quy chế quản lý tài chính của Tổng công ty. Chỉ đạo Tổng giám đốc công bố, công khai tài chính hàng năm theo quy định của Chính phủ.

20. Kiểm tra, kiểm soát, giám sát mọi hoạt động trong Tổng công ty; kiểm tra, kiểm soát, giám sát Tổng giám đốc Tổng công ty; Giám đốc các đơn vị hạch toán phụ thuộc; cấp Trưởng đơn vị trực thuộc, đơn vị sự nghiệp trong việc sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn và trong việc thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước, các mục tiêu Nhà nước giao cho Tổng công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp nhà nước và Điều lệ này.

21. Kiểm tra, kiểm soát, giám sát Chủ tịch và các thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty đối với các công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty ở các doanh nghiệp khác trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp nhà nước và Điều lệ này, phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp và

Điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, doanh nghiệp có phần vốn góp của Tổng công ty.

22. Thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty sở hữu 100% vốn điều lệ quy định tại Điều 38 của Điều lệ này.

23. Thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ của chủ sở hữu cổ phần, vốn góp của Tổng công ty ở các công ty con và ở các công ty liên kết theo quy định tại các Điều 39 và 40 của Điều lệ này và theo quy định của pháp luật.

24. Trình Thủ tướng Chính phủ hoặc cơ quan được Thủ tướng Chính phủ ủy quyền quyết định những vấn đề của Tổng công ty thuộc thẩm quyền quyết định của Đại diện chủ sở hữu quy định tại Điều 14 của Điều lệ này.

25. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty.

Điều 19. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam.
2. Có trình độ đại học và năng lực quản lý, tổ chức kinh doanh. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có kinh nghiệm ít nhất 3 năm quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành, nghề kinh doanh chính của Tổng công ty.
3. Có sức khỏe; có bản lĩnh chính trị vững vàng; có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật.
4. Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý, điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Miễn nhiệm, thay thế thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Bị Tòa án kết án bằng bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật;
 - b) Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao; hoặc bị mất, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - c) Không trung thực trong thực thi nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng chức vụ,

096999558
LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính của Tổng công ty;

d) Để Tổng công ty lỗ hai năm liên tiếp hoặc không đạt chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư hai năm liên tiếp hoặc ở trong tình trạng lỗ lãi đan xen nhau nhưng không khắc phục được, trừ các trường hợp lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt; lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư có lý do khách quan được giải trình và đã được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận; đầu tư mới mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của Chính phủ.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được thay thế, bổ sung trong những trường hợp sau đây:

- a) Bị cách chức hoặc bị miễn nhiệm theo quy định tại khoản 1 Điều này;
- b) Xin từ chức khi có lý do chính đáng;
- c) Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác.

Trường hợp Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị bị thay thế thì trong thời hạn 60 ngày Hội đồng quản trị phải họp để đề nghị Bộ Giao thông vận tải trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định việc bổ nhiệm người thay thế.

Điều 21. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm chức vụ Tổng giám đốc Tổng công ty.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:
 - a) Có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị quy định tại Điều 18 của Điều lệ này, theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - b) Thay mặt Hội đồng quản trị ký nhận vốn, đất đai, tài nguyên và các nguồn lực khác do Nhà nước đầu tư hoặc giao cho Tổng công ty; quản lý Tổng công ty theo pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c) Chỉ đạo việc tổ chức nghiên cứu mục tiêu, chiến lược, kế hoạch dài hạn, dự án đầu tư quy mô thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng quản trị trình đại diện chủ sở hữu quyết định; phương án đổi mới tổ chức, nhân sự chủ chốt của Tổng công ty để trình Hội đồng quản trị;

d) Chỉ đạo lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; quyết định chương trình, nội dung cuộc họp; triệu tập và chủ tọa các cuộc họp của Hội đồng quản trị; tổ chức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị bằng các hình thức phù hợp với quy định của pháp luật;

đ) Thay mặt Hội đồng quản trị hoặc phân công một thành viên Hội đồng quản trị ký các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; ký các văn bản báo cáo trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan của Đảng và Nhà nước về các lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty; ký các văn bản khác theo quy định của pháp luật và theo quy chế tổ chức, hoạt động của Hội đồng quản trị;

e) Các quyền khác theo phân cấp và ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ, của Hội đồng quản trị.

Điều 22. Chế độ làm việc của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo chế độ tập thể; họp thường kỳ hàng tháng để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Đối với những vấn đề không yêu cầu thảo luận thì Hội đồng quản trị có thể lấy ý kiến của các thành viên bằng văn bản. Hội đồng quản trị có thể họp bất thường để giải quyết những vấn đề cấp bách của Tổng công ty do Chủ tịch Hội đồng quản trị, hoặc Tổng giám đốc, hoặc Trưởng Ban kiểm soát, hoặc trên 50% tổng số thành viên Hội đồng quản trị đề nghị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc một thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền triệu tập và chủ trì cuộc họp của Hội đồng quản trị. Nội dung và các tài liệu cuộc họp phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị và các đại biểu được mời dự họp (nếu có) trước ngày họp ít nhất 05 ngày.

3. Các cuộc họp hoặc lấy ý kiến các thành viên của Hội đồng quản trị bằng văn bản họp lệ khi có ít nhất 2/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị tham dự hoặc có ý kiến bằng văn bản. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có hiệu lực khi có trên 50% tổng số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành; trường hợp có số phiếu ngang nhau thì bên có phiếu của Chủ tịch Hội đồng quản trị là quyết định; thành viên Hội đồng quản trị có quyền bảo lưu ý kiến của mình.

4. Khi bàn về nội dung công việc của Tổng công ty có liên quan đến các vấn đề quan trọng của địa phương nào thì Hội đồng quản trị phải mời đại diện của cấp chính quyền địa phương có liên quan đó dự họp; trường hợp có liên quan tới quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động trong Tổng công ty, phải mời đại diện Công

đoàn Tổng công ty dự họp. Đại diện các cơ quan tổ chức được mời dự họp có quyền phát biểu ý kiến nhưng không tham gia biểu quyết.

5. Nội dung các vấn đề thảo luận, các ý kiến phát biểu, kết quả biểu quyết, kết luận của chủ tọa các cuộc họp Hội đồng quản trị và các nghị quyết, quyết định được Hội đồng quản trị thông qua phải được ghi thành biên bản theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và tính trung thực của biên bản họp Hội đồng quản trị. Nghị quyết, quyết định và các văn bản quản lý của Hội đồng quản trị có tính bắt buộc thi hành đối với toàn Tổng công ty và được lưu giữ, bảo mật theo các quy định hiện hành.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, kế toán trưởng, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trong Tổng công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình hoạt động, tình hình tài chính... của Tổng công ty theo quy chế và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Người được yêu cầu cung cấp thông tin phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị, trừ trường hợp Hội đồng quản trị có quy định khác.

7. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và của các cơ quan thuộc Hội đồng quản trị, kể cả tiền lương, phụ cấp và thù lao do Hội đồng quản trị quyết định và được tính vào chi phí quản lý của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

8. Trong trường hợp cần thiết hoặc theo yêu cầu của Chính phủ, Hội đồng quản trị được quyền thành lập hội đồng tư vấn, thẩm định, các cơ quan giúp việc tương ứng để thực thi nhiệm vụ hoặc lấy ý kiến các chuyên gia tư vấn trong và ngoài Tổng công ty trước khi quyết định các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị. Chi phí lấy ý kiến tư vấn được quy định tại Quy chế quản lý tài chính của Tổng công ty.

Điều 23. Bộ máy giúp việc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị sử dụng văn phòng, các ban (hoặc phòng) chuyên môn, nghiệp vụ của Tổng công ty và sử dụng con dấu của Tổng công ty để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình.

2. Hội đồng quản trị thành lập Ban kiểm soát. Ban kiểm soát hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp nhà nước và Điều lệ này.

3. Hội đồng quản trị thành lập Ban Thư ký - Tổng hợp của Hội đồng quản trị và

các tổ chức giúp việc theo quy định tại khoản 8 Điều 22 của Điều lệ này để trực tiếp giúp việc cho Hội đồng quản trị.

a) Chức năng, nhiệm vụ, quy chế tổ chức hoạt động và biên chế của Ban Thư ký - Tổng hợp của Hội đồng quản trị và của các tổ chức giúp việc cho Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị trình Hội đồng quản trị phê duyệt;

b) Các cán bộ, chuyên viên, nhân viên của Ban Thư ký - Tổng hợp của Hội đồng quản trị và của các tổ chức giúp việc cho Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, khen thưởng, kỷ luật theo quy định của Hội đồng quản trị.

Điều 24. Chế độ tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và của các cán bộ, chuyên viên, nhân viên giúp việc Hội đồng quản trị

1. Các thành viên chuyên trách của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, các cán bộ, chuyên viên, nhân viên giúp việc Hội đồng quản trị được hưởng lương và chế độ phụ cấp theo quy định của Chính phủ; được hưởng tiền thưởng tương ứng với hiệu quả kinh doanh của Tổng công ty theo Quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng của Tổng công ty do Hội đồng quản trị ban hành.

2. Các thành viên không chuyên trách của Hội đồng quản trị được hưởng phụ cấp trách nhiệm theo quy định của Chính phủ và tiền thưởng tương ứng với hiệu quả kinh doanh theo quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng của Tổng công ty do Hội đồng quản trị ban hành.

Mục 2

BAN KIỂM SOÁT

Điều 25. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát gồm 05 thành viên. Hội đồng quản trị quyết định cử một thành viên Hội đồng quản trị làm Trưởng Ban kiểm soát. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc không được kiêm Trưởng Ban kiểm soát. Các thành viên khác của Ban kiểm soát do Hội đồng quản trị lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm, trong đó có một thành viên có đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 6 Điều này do tổ chức Công đoàn Tổng công ty cử.

2. Ban kiểm soát là cơ quan giúp Hội đồng quản trị thực hiện việc kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, chính xác và trung thực trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong việc ghi chép sổ kế toán, báo cáo tài chính, công khai tài chính và báo cáo thống kê; kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật nhà nước, Điều lệ Tổng công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty.

3. Ban kiểm soát hoạt động theo quy chế do Hội đồng quản trị ban hành và thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp nhà nước và nhiệm vụ Hội đồng quản trị giao; báo cáo Hội đồng quản trị định kỳ hàng tháng, quý, năm và theo vụ việc về kết quả kiểm tra, giám sát của mình; kịp thời phát hiện và báo cáo Hội đồng quản trị về những hoạt động không bình thường, trái với quy định về quản trị doanh nghiệp hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật; Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Ban kiểm soát.

4. Các thành viên Ban kiểm soát không được tiết lộ kết quả kiểm tra, giám sát khi chưa được Hội đồng quản trị cho phép; phải chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật nếu cố ý bỏ qua hoặc bao che những hành vi phạm pháp.

5. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bổ nhiệm lại hoặc bị miễn nhiệm, bị thay thế nếu không hoàn thành nhiệm vụ; thành viên Ban kiểm soát được hưởng tiền lương, tiền thưởng do Hội đồng quản trị quyết định theo quy định của pháp luật về chế độ lương, thưởng và Luật Doanh nghiệp nhà nước.

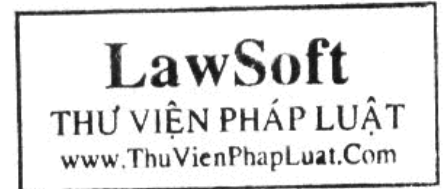
6. Thành viên Ban kiểm soát phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam;
- b) Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật;
- c) Có trình độ về nghiệp vụ tài chính - kế toán, kiểm toán, kinh tế, hoặc chuyên ngành hàng không, luật hoặc quản lý đầu tư;
- d) Không được là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, thủ quỹ tại Tổng công ty và công ty con do Tổng công ty nắm giữ toàn bộ vốn điều lệ; không có vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột là thành viên Hội đồng

quản trị, Tổng giám đốc, kế toán trưởng, thủ quỹ tại Tổng công ty và các chức danh tương ứng tại công ty con do Tổng công ty nắm giữ toàn bộ vốn điều lệ;

đ) Thành viên chuyên trách của Ban kiểm soát không đồng thời đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo trong bộ máy nhà nước.

Mục 3 TỔNG GIÁM ĐỐC



Điều 26. Chức năng của Tổng giám đốc

Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật, điều hành hoạt động hàng ngày của Tổng công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, phù hợp với Điều lệ của Tổng công ty; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Điều 27. Tuyển chọn, bổ nhiệm, ký hợp đồng với Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị tuyển chọn, quyết định bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận; Tổng giám đốc có thể là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 05 năm. Tổng giám đốc có thể được bổ nhiệm lại hoặc ký tiếp hợp đồng nhưng không quá 2 nhiệm kỳ liên tiếp.

3. Người được tuyển chọn làm Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật; thường trú tại Việt Nam;

b) Hiểu biết về vận chuyển hàng không, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý Tổng công ty; có bản lĩnh, tính năng động, sáng tạo, khả năng xử lý các tình huống, quyết đoán trong hoạt động điều hành sản xuất, kinh doanh; có trình độ đại học trở lên; có ít nhất 3 năm kinh nghiệm tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành, nghề kinh doanh chính của Tổng công ty.

4. Những đối tượng sau đây không được tuyển chọn để bổ nhiệm, ký hợp đồng làm Tổng giám đốc:

a) Những người đã từng làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty nhà nước

nhưng đã bị cách chức, miễn nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn theo điểm a khoản 2 Điều 24 Luật Doanh nghiệp nhà nước;

b) Thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Thay thế, miễn nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng với Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị quyết định việc miễn nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn với Tổng giám đốc sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Tổng giám đốc bị miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn trong các trường hợp sau:

a) Để Tổng công ty lỗ hai năm liên tiếp hoặc không đạt chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư hai năm liên tiếp hoặc ở trong tình trạng lỗ lãi đan xen nhau nhưng không khắc phục được, trừ các trường hợp lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt; lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư có lý do khách quan được giải trình và đã được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận; đầu tư mới mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

b) Tổng công ty lâm vào tình trạng phá sản nhưng không nộp đơn yêu cầu phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản;

c) Không hoàn thành các nhiệm vụ hoặc chỉ tiêu do Hội đồng quản trị giao hoặc không hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký với Hội đồng quản trị;

d) Không trung thực trong thực thi nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính của Tổng công ty;

đ) Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;

e) Bị Tòa án kết án bằng bản án hoặc quyết định có hiệu lực pháp luật;

g) Vi phạm nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; vi phạm Điều lệ Tổng công ty.

3. Tổng giám đốc được thay thế trong các trường hợp sau:

a) Bị cách chức hoặc xin từ chức hoặc chấm dứt hợp đồng khi có lý do chính đáng;

b) Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác.

Điều 29. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo chức năng và theo phân cấp, ủy quyền; theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và theo quy định của pháp luật.

2. Xây dựng mục tiêu, chiến lược, kế hoạch dài hạn của Tổng công ty báo cáo Hội đồng quản trị xem xét trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Tổng giám đốc có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo thẩm quyền và theo quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Xây dựng, trình Hội đồng quản trị phê duyệt những nội dung sau: kế hoạch hàng năm của Tổng công ty; phương án huy động vốn, dự án đầu tư mới và đầu tư chiều sâu; phương án liên doanh, liên kết; đề án tổ chức, bộ máy quản lý, quy chế quản lý nội bộ, quy hoạch cán bộ, đào tạo nguồn nhân lực, tổng biên chế và hệ thống đơn giá tiền lương của Tổng công ty; phương án phối hợp kinh doanh giữa Tổng công ty với các doanh nghiệp trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con hoặc với các doanh nghiệp khác.

4. Xây dựng, trình Hội đồng quản trị phê duyệt các định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn sản phẩm, các vấn đề liên quan đến sở hữu công nghiệp phù hợp với quy định của Nhà nước; kiểm tra các đơn vị trong Tổng công ty thực hiện các định mức, tiêu chuẩn, đơn giá quy định trong nội bộ Tổng công ty.

5. Quyết định các dự án đầu tư, bán tài sản của Tổng công ty theo phân cấp hoặc ủy quyền của Hội đồng quản trị Tổng công ty và theo quy định của pháp luật.

6. Quyết định, ký kết các hợp đồng vay, cho vay, thuê, cho thuê và các hợp đồng kinh tế khác theo phân cấp hoặc ủy quyền của Hội đồng quản trị và theo quy định của pháp luật.

7. Quyết định phương án sử dụng vốn, tài sản của Tổng công ty để góp vốn, mua cổ phần của các công ty trong nước theo phân cấp hoặc ủy quyền của Hội đồng quản trị và theo quy định của pháp luật.

8. Quyết định giá mua, bán sản phẩm và dịch vụ theo phân cấp của Hội đồng quản trị, phù hợp với những quy định của Nhà nước.

9. Đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương đối với Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng Tổng công ty; đề nghị Hội đồng quản trị quyết định

cử người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty ở các công ty con và công ty liên kết.

10. Đề nghị Hội đồng quản trị chấp thuận đề Tổng giám đốc quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật đối với:

a) Trưởng Ban hoặc chức danh tương đương thuộc bộ máy quản lý của Tổng công ty;

b) Giám đốc và kế toán trưởng các đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng công ty;

c) Cấp Trưởng đơn vị và kế toán trưởng hoặc Trưởng phòng tài chính - kế toán các đơn vị trực thuộc và đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng công ty.

11. Quyết định tuyển chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và phụ cấp (nếu có) đối với các chức danh quản lý khác và người lao động trong Tổng công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của cấp trên hoặc theo quy định của pháp luật.

12. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư; quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; điều hành hoạt động của Tổng công ty nhằm thực hiện các nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị.

13. Ký kết các hợp đồng dân sự, kinh tế của Tổng công ty. Đối với các hợp đồng có giá trị trên mức phân cấp cho Tổng giám đốc quy định tại các khoản 5, 6, 7 Điều này, thì Tổng giám đốc chỉ được ký kết sau khi có nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng quản trị.

14. Thực hiện quyền đối với các công ty con theo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, nghị quyết, quyết định và ủy quyền của Hội đồng quản trị.

15. Quyết định áp dụng các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố...) và chịu trách nhiệm về những quyết định đó, đồng thời phải báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

16. Tổ chức thanh tra, kiểm tra trong Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

17. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ này, của Luật Doanh nghiệp nhà nước và các quy định khác của pháp luật.

18. Báo cáo Hội đồng quản trị và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật; thực hiện việc công bố công khai các báo cáo tài chính theo nghị quyết của Hội đồng quản trị và theo quy định của Chính phủ.

19. Được hưởng chế độ lương theo năm; mức tiền lương, tiền thưởng tương ứng với hiệu quả kinh doanh của Tổng công ty do Hội đồng quản trị quyết định hoặc theo hợp đồng đã ký; chế độ thanh toán, quyết toán tiền lương, tiền thưởng được thực hiện như đối với các thành viên chuyên trách của Hội đồng quản trị.

20. Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ này, theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và theo quy định của pháp luật.

Mục 4

NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM VÀ QUAN HỆ GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 30. Quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trong quản lý, điều hành Tổng công ty

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Tổng công ty có quyền chỉ đạo, giám sát toàn bộ hoạt động trong Tổng công ty; kiểm tra, kiểm soát và giám sát hoạt động điều hành của Tổng giám đốc.

2. Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết, quyết định, các văn bản quản lý và Tổng giám đốc có trách nhiệm tổ chức thực hiện.

3. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Tổng công ty thì Tổng giám đốc phải báo cáo Hội đồng quản trị để xem xét điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Trong thời gian chờ quyết định của Hội đồng quản trị thì Tổng giám đốc vẫn phải thực hiện các nghị quyết, quyết định đã có hiệu lực. Trường hợp Hội đồng quản trị không giải quyết thì Tổng giám đốc có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên đại diện chủ sở hữu Tổng công ty. Trong trường hợp khẩn cấp, Tổng giám đốc áp dụng theo khoản 15 Điều 29 của Điều lệ này.

4. Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị bằng văn bản về

tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng tháng, quý, năm và báo cáo đột xuất theo chế độ báo cáo của Tổng công ty do Hội đồng quản trị quy định.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị tham dự hoặc cử đại diện của Hội đồng quản trị tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị các đề án trình Hội đồng quản trị do Tổng giám đốc chủ trì; tham dự các cuộc ký kết các hợp đồng kinh tế của Tổng công ty thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị và của Chính phủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người đại diện Hội đồng quản trị tại các cuộc họp nói trên, thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo chức trách, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và theo quy định của pháp luật.

6. Tổng giám đốc không là thành viên Hội đồng quản trị được mời tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, được quyền phát biểu nhưng không có quyền biểu quyết.

Điều 31. Nghĩa vụ, trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về điều hành hoạt động, kết quả kinh doanh của Tổng công ty, về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị phải cùng chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ và trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, kết quả và hiệu quả hoạt động của Tổng công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty chỉ được thành lập hoặc giữ các chức danh quản lý, điều hành công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty có vốn đầu tư nước ngoài khi được Tổng công ty hoặc tổ chức nhà nước có thẩm quyền giới thiệu ứng cử vào các chức danh quản lý hoặc cử làm đại diện của Tổng công ty đối với phần vốn góp vào các công ty đó.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc có nghĩa vụ:

a) Thực hiện trung thực, có trách nhiệm các quyền hạn và nhiệm vụ được giao vì lợi ích của Tổng công ty và của Nhà nước;

b) Không được lợi dụng chức vụ, quyền hạn, sử dụng tài sản và vốn của Tổng công ty thu lợi cho bản thân và người khác; không được đem tài sản của Tổng công ty cho người khác; trong thời gian đang thực hiện chức trách là thành viên

Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và trong thời hạn 3 năm sau khi thôi làm thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc không được tiết lộ bí mật của Tổng công ty, trừ trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận;

c) Không được để vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của mình giữ chức danh kế toán trưởng, thủ quỹ tại cùng Tổng công ty; hoặc nếu để vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của mình giữ chức danh kế toán trưởng, thủ quỹ tại cùng Tổng công ty, thì phải thôi giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty;

d) Phải thông báo cho người bổ nhiệm, người ký hợp đồng thuê Tổng giám đốc về các hợp đồng kinh tế, lao động, dân sự của Tổng công ty ký kết với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, với vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; trường hợp phát hiện hợp đồng có mục đích tư lợi mà hợp đồng chưa được ký kết thì có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc không được ký kết hợp đồng đó; nếu hợp đồng đã được ký kết thì bị coi là vô hiệu, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc phải bồi thường thiệt hại cho Tổng công ty và bị xử lý theo quy định của pháp luật;

đ) Khi Tổng công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả, thì: Tổng giám đốc phải báo cáo Hội đồng quản trị, tìm biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính và thông báo tình hình tài chính của Tổng công ty cho tất cả chủ nợ biết; Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc không được quyết định tăng tiền lương, không được trích lợi nhuận trả tiền thưởng cho cán bộ quản lý và người lao động;

e) Khi Tổng công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả mà không thực hiện các quy định tại điểm đ khoản này thì Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm tập thể và cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ theo quy định của pháp luật;

g) Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc vi phạm Điều lệ, quyết định vượt thẩm quyền, lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây thiệt hại cho Tổng công ty và Nhà nước thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

5. Khi vi phạm một trong các trường hợp sau đây nhưng chưa đến mức bị truy

cứu trách nhiệm hình sự thì Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc không được thưởng, không được nâng lương và bị xử lý kỷ luật tùy theo mức độ vi phạm:

- a) Để Tổng công ty lỗ trong trường hợp như quy định ở khoản 7 Điều này;
- b) Để mất vốn chủ sở hữu;
- c) Quyết định dự án đầu tư không hiệu quả, không thu hồi được vốn đầu tư, không trả được nợ;
- d) Không bảo đảm tiền lương và các chế độ khác cho người lao động ở Tổng công ty theo quy định của pháp luật về lao động;
- đ) Để xảy ra các sai phạm về quản lý vốn, tài sản, về chế độ kế toán, kiểm toán và các chế độ khác do Nhà nước quy định.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị thiếu trách nhiệm, không thực hiện đúng các quy định tại Điều 21 của Điều lệ này mà dẫn đến một trong các vi phạm tại khoản 5 của Điều này thì bị miễn nhiệm; tùy theo mức độ vi phạm và hậu quả phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

7. Tùy theo mức độ vi phạm và hậu quả trong các trường hợp dưới đây thì Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc bị hạ lương hoặc bị miễn nhiệm, đồng thời phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật: để Tổng công ty lỗ hai năm liên tiếp hoặc không đạt chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư hai năm liên tiếp hoặc ở trong tình trạng lỗ lãi đan xen nhau nhưng không khắc phục được, trừ các trường hợp lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt; lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư có lý do khách quan được giải trình và đã được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận; đầu tư mới mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ.

8. Trường hợp Tổng công ty lâm vào tình trạng phá sản mà Tổng giám đốc không nộp đơn yêu cầu phá sản thì bị miễn nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; nếu Tổng giám đốc không nộp đơn mà Hội đồng quản trị không yêu cầu Tổng giám đốc nộp đơn yêu cầu phá sản thì Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc bị miễn nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng.

9. Trường hợp Tổng công ty thuộc diện tổ chức lại, giải thể hoặc chuyển đổi sở hữu mà không tiến hành các thủ tục tổ chức lại, giải thể hoặc chuyển đổi sở hữu thì

Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc bị miễn nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng.

Mục 5

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG, BỘ MÁY GIÚP VIỆC

Điều 32. Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng

1. Tổng công ty có các Phó tổng giám đốc và kế toán trưởng. Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng do Hội đồng quản trị quyết định tuyển chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật theo đề nghị của Tổng giám đốc.

2. Các Phó tổng giám đốc giúp Tổng giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị và theo phân công hoặc ủy quyền của Tổng giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị và pháp luật về nhiệm vụ được Tổng giám đốc phân công ủy quyền hoặc theo quyết định của Hội đồng quản trị. Việc ủy quyền có liên quan đến việc ký kết hợp đồng kinh tế hoặc liên quan tới việc sử dụng con dấu của Tổng công ty đều phải thực hiện bằng văn bản.

3. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán, thống kê và kiểm toán nội bộ của Tổng công ty; giúp Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc giám sát tài chính tại Tổng công ty; có các quyền hạn, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

4. Thời hạn bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng với Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng không quá 5 năm. Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng có thể được bổ nhiệm lại hoặc ký tiếp hợp đồng.

5. Các Phó tổng giám đốc và kế toán trưởng được hưởng chế độ lương, thưởng theo quy định của Nhà nước và Hội đồng quản trị tương ứng với hiệu quả kinh doanh của Tổng công ty.

Điều 33. Bộ máy giúp việc

1. Văn phòng, các ban (hoặc phòng) chuyên môn nghiệp vụ của Tổng công ty có

chức năng tham mưu, giúp việc Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong quản lý, điều hành công việc.

2. Chức năng, nhiệm vụ của văn phòng, các ban (hoặc phòng) chuyên môn, nghiệp vụ được quy định tại quyết định thành lập, quyết định giao nhiệm vụ của Hội đồng quản trị hoặc của Tổng giám đốc và theo quy chế hoạt động do Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị phê duyệt, Chủ tịch Hội đồng quản trị ký quyết định ban hành.

3. Trong quá trình hoạt động, Tổng giám đốc có quyền đề nghị Hội đồng quản trị thay đổi cơ cấu, biên chế, số lượng và chức năng, nhiệm vụ của văn phòng, các ban (hoặc phòng) chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và quy định của pháp luật. Hội đồng quản trị xem xét, quyết định việc thay đổi do Tổng giám đốc đề nghị.

Mục 6

HÌNH THỨC VÀ NỘI DUNG THAM GIA QUẢN LÝ TỔNG CÔNG TY CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 34. Hình thức tham gia quản lý Tổng công ty của người lao động

Người lao động tham gia quản lý Tổng công ty thông qua các hình thức và tổ chức sau:

1. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu công nhân, viên chức được tổ chức theo hệ thống tổ chức của Tổng công ty.
2. Tổ chức Công đoàn Tổng công ty.
3. Ban thanh tra nhân dân.
4. Thực hiện quyền kiến nghị, khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

Điều 35. Nội dung tham gia quản lý Tổng công ty của người lao động

Người lao động có quyền tham gia thảo luận, góp ý kiến trước khi cấp có thẩm quyền quyết định các vấn đề sau đây:

1. Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch, biện pháp phát triển sản xuất, kinh doanh, sắp xếp lại sản xuất của Tổng công ty.

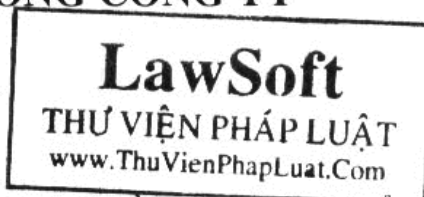
2. Phương án cổ phần hóa, đa dạng hóa hình thức sở hữu Tổng công ty.
3. Các nội quy, quy chế của Tổng công ty liên quan trực tiếp tới quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động.
4. Các biện pháp bảo hộ lao động, cải thiện điều kiện làm việc, đời sống vật chất và tinh thần, vệ sinh môi trường, đào tạo và đào tạo lại đối với người lao động của Tổng công ty.
5. Bỏ phiếu thăm dò tín nhiệm đối với các chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc kế toán trưởng Tổng công ty khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.
6. Thông qua Đại hội toàn thể, hoặc Đại hội đại biểu công nhân, viên chức và tổ chức Công đoàn, người lao động có quyền thảo luận và biểu quyết các vấn đề sau đây:
 - a) Nội dung hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung thỏa ước lao động tập thể để người đại diện tập thể lao động ký kết với Tổng giám đốc;
 - b) Quy chế sử dụng các quỹ phúc lợi, khen thưởng và các chỉ tiêu kế hoạch của Tổng công ty có liên quan trực tiếp đến nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động phù hợp với quy định của Nhà nước;
 - c) Bầu, thông qua chương trình hoạt động và đánh giá kết quả hoạt động của Ban thanh tra nhân dân;
 - d) Cử người có đủ điều kiện tham gia Ban Kiểm soát của Tổng công ty.

Chương V

QUAN HỆ CỦA TỔNG CÔNG TY VỚI CÁC ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP THUỘC TỔNG CÔNG TY VÀ CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT, CÔNG TY TỰ NGUYỆN THAM GIA LIÊN KẾT VỚI TỔNG CÔNG TY

Điều 36. Đơn vị phụ thuộc

Tổng công ty có các đơn vị phụ thuộc do Hội đồng quản trị Tổng công ty quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể, bao gồm văn phòng đại diện, chi nhánh, đơn vị hạch toán phụ thuộc và các đơn vị phụ thuộc khác; được tổ chức, quản lý theo quy



định của Tổng công ty và quy định của pháp luật; hoạt động theo Điều lệ hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị do Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị phê duyệt, Chủ tịch Hội đồng quản trị ký quyết định ban hành.

1. Văn phòng đại diện của Tổng công ty được thành lập ở trong nước hoặc ở nước ngoài để thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại trong phạm vi quy định của pháp luật; có nhiệm vụ đại diện theo ủy quyền cho lợi ích của Tổng công ty và bảo vệ các lợi ích đó; có trụ sở, được mở tài khoản, có con dấu mang tên văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật; có Quy chế tổ chức và hoạt động theo quy định của Tổng công ty.

2. Chi nhánh của Tổng công ty được thành lập ở trong nước hoặc ở nước ngoài để thực hiện các hoạt động thương mại, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của Tổng công ty, kể cả chức năng đại diện theo ủy quyền; có ngành, nghề kinh doanh phù hợp với ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty; có trụ sở, được mở tài khoản, có con dấu mang tên chi nhánh theo quy định của pháp luật; có Điều lệ tổ chức và hoạt động theo quy định của Tổng công ty; tổ chức hạch toán kinh doanh theo phân cấp của Tổng công ty và theo quy định của pháp luật.

3. Đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng công ty được thành lập để thực hiện các hoạt động kinh doanh theo phân cấp của Tổng công ty; có tên gọi, trụ sở, con dấu và tài khoản riêng; có Điều lệ tổ chức và hoạt động theo quy định của Tổng công ty; tổ chức hạch toán kinh doanh theo phân cấp của Tổng công ty và theo quy định của pháp luật. Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng công ty có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm như sau:

a) Được giao quản lý, sử dụng vốn, tài sản và các nguồn lực khác để kinh doanh, có quyền tự chủ kinh doanh theo phân cấp của Tổng công ty; chịu sự ràng buộc về nghĩa vụ và quyền lợi đối với Tổng công ty; Tổng công ty chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của đơn vị;

b) Được ký kết các hợp đồng kinh tế, được chủ động thực hiện các hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính, hoạt động đầu tư không trái với quy định của pháp luật và của Tổng công ty; được tổ chức hạch toán phụ thuộc và lập các quỹ theo quy định của Tổng công ty và theo quy định của pháp luật; tổ chức và nhân sự theo phân cấp của Tổng công ty quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của đơn vị;

c) Có trách nhiệm quản lý, tổ chức thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ do Tổng công ty

giao và thực hiện nghĩa vụ với Tổng công ty theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của đơn vị; chấp hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của đơn vị, Điều lệ của Tổng công ty và pháp luật của Nhà nước.

4. Đơn vị phụ thuộc khác của Tổng công ty được thành lập để thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo phân cấp của Tổng công ty; có tên gọi, trụ sở, con dấu và tài khoản riêng; có Quy chế tổ chức và hoạt động theo quy định của Tổng công ty; được cấp kinh phí hoạt động theo phương thức khoán chi và thực hiện chế độ phân cấp hạch toán theo quy định của Tổng công ty. Đơn vị phụ thuộc khác của Tổng công ty có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm như sau:

a) Được giao quản lý, sử dụng vốn, tài sản và các nguồn lực khác để thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo phân cấp của Tổng công ty; chịu sự ràng buộc về nghĩa vụ và quyền lợi đối với Tổng công ty; Tổng công ty chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của các đơn vị;

b) Không được ký kết các hợp đồng kinh tế, trừ trường hợp cấp trưởng đơn vị có giấy ủy quyền hợp pháp của người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty; thực hiện chế độ phân cấp hạch toán theo quy định của Tổng công ty và theo quy định của pháp luật; tổ chức và nhân sự theo phân cấp của Tổng công ty quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị;

c) Có trách nhiệm quản lý, tổ chức thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ do Tổng công ty giao và thực hiện nghĩa vụ với Tổng công ty theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị; chấp hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị, Điều lệ của Tổng công ty và pháp luật của Nhà nước.

Điều 37. Đơn vị sự nghiệp

1. Đơn vị sự nghiệp hoạt động theo chế độ Nhà nước quy định, theo Điều lệ tổ chức và hoạt động do Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị phê duyệt.

2. Đơn vị sự nghiệp được Tổng công ty đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật, cấp kinh phí sự nghiệp nằm trong chi phí chung của Tổng công ty và được tổ chức thực hiện chế độ lấy thu bù chi; thực hiện chế độ phân cấp hạch toán do Tổng công ty quy định; được tạo nguồn thu từ việc thực hiện các nhiệm vụ do Tổng công ty giao, thực hiện các hợp đồng cung cấp dịch vụ, nghiên cứu khoa học và đào tạo, chuyển giao công nghệ với các đơn vị trong và ngoài Tổng công ty; được hưởng quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi theo chế độ; được Tổng công ty quyết định

những vấn đề khác liên quan trực tiếp đến sự ổn định và phát triển của đơn vị sự nghiệp.

Điều 38. Công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Hội đồng quản trị Tổng công ty là đại diện chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty sở hữu 100% vốn điều lệ, thực hiện các quyền và nghĩa vụ sau đây đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên:

a) Phê duyệt điều lệ công ty khi thành lập; quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty;

b) Phê duyệt vốn điều lệ công ty khi thành lập; quyết định điều chỉnh vốn điều lệ của công ty;

c) Quyết định mục tiêu, chiến lược, kế hoạch dài hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm và ngành, nghề kinh doanh của công ty;

d) Quyết định chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ công ty cho tổ chức, cá nhân khác. Việc chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ thực hiện theo quy định của Điều lệ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

đ) Quyết định mô hình tổ chức quản lý, cơ cấu quản lý; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, quyết định mức tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác của Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty và các kiểm soát viên của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; phân cấp cho Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, quyết định mức tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác của Tổng giám đốc (Giám đốc) công ty đó;

e) Quyết định các dự án đầu tư, hợp đồng mua, bán, vay, cho vay có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ những tài sản theo quy định của Chính phủ;

g) Tổ chức giám sát, theo dõi và đánh giá hoạt động kinh doanh, hoạt động quản lý theo điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

h) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm và quyết định phương án sử dụng lợi

nhuận hoặc xử lý lỗ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo đệ trình của công ty đó;

i) Quyết định các hình thức và biện pháp tổ chức lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quy định tại Điều lệ của công ty đó;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Điều 39. Công ty con là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty liên doanh và công ty ở nước ngoài

1. Công ty con quy định tại Điều này, được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật về loại hình công ty đó.

2. Tổng công ty thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cổ đông hoặc thành viên, bên liên doanh, bên góp vốn chi phối tại công ty con theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật của nước mà Tổng công ty đưa vốn đến đầu tư, pháp luật có liên quan và theo Điều lệ của doanh nghiệp đó.

3. Tổng công ty trực tiếp quản lý cổ phần, vốn góp chi phối ở công ty con thông qua người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các công ty con (sau đây gọi là người quản lý phần vốn góp chi phối).

4. Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ chủ yếu sau:

a) Cử, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, quyết định phụ cấp và lợi ích của người quản lý phần vốn góp chi phối;

b) Yêu cầu người quản lý phần vốn góp chi phối báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các nội dung khác của công ty con;

c) Giao nhiệm vụ và yêu cầu người quản lý phần vốn góp chi phối xin ý kiến về những vấn đề quan trọng theo quy định tại quy chế quản lý vốn góp của Tổng công ty ở doanh nghiệp khác do Hội đồng quản trị Tổng công ty ban hành trước khi biểu quyết tại công ty con; báo cáo việc sử dụng cổ phần, vốn góp chi phối để phục vụ định hướng phát triển và mục tiêu của Tổng công ty;

d) Thu lợi tức và chịu rủi ro từ phần vốn góp của mình ở các công ty con;

đ) Giám sát, kiểm tra việc sử dụng phần vốn đã góp vào công ty con;

e) Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển phần vốn đã góp vào các công ty con.

Điều 40. Công ty liên kết

1. Công ty liên kết được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của doanh nghiệp đó.

2. Tổng công ty cử người đại diện hoặc cử người quản lý phần vốn góp để thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh theo quy định của pháp luật và theo điều lệ của công ty đó hoặc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm theo hợp đồng liên kết. Trong trường hợp không cử người đại diện, không cử người quản lý phần vốn góp thì Tổng công ty phải phân cấp, ủy quyền hoặc giao nhiệm vụ cho tổ chức hoặc cá nhân thực hiện.

Điều 41. Công ty tự nguyện tham gia liên kết với Tổng công ty

Công ty được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định pháp luật, không có cổ phần, vốn góp của Tổng công ty nhưng tự nguyện tham gia liên kết với Tổng công ty, chịu sự ràng buộc về quyền và nghĩa vụ với Tổng công ty theo hợp đồng liên kết hoặc theo thỏa thuận giữa công ty đó với Tổng công ty.

Điều 42. Tiêu chuẩn và điều kiện của người quản lý phần vốn góp của Tổng công ty

1. Người quản lý phần vốn góp của Tổng công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam; là người của Tổng công ty;
- b) Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt; hiểu biết pháp luật, có ý thức chấp hành pháp luật;
- c) Có trình độ chuyên môn về tài chính doanh nghiệp hoặc lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tổng công ty; có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp, người quản lý phần vốn góp chi phối của Tổng công ty ở các công ty liên doanh với nước ngoài phải có thêm trình độ ngoại ngữ đủ để làm việc với người nước ngoài trong liên doanh không cần phiên dịch;
- d) Không là bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột của những người là đại diện chủ sở hữu, người trong Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc, Tổng giám đốc của doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tổng công ty mà người đó được giao quản lý phần vốn góp;

đ) Không có quan hệ góp vốn thành lập doanh nghiệp, cho vay vốn, ký kết hợp đồng mua bán với doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tổng công ty mà người đó

được giao quản lý phần vốn góp, trừ trường hợp có cổ phần tại doanh nghiệp được cổ phần hóa.

2. Người đại diện của Tổng công ty tham gia ứng cử vào Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc, Tổng giám đốc của doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tổng công ty mà người đó được giao quản lý phần vốn góp phải có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật và điều lệ của doanh nghiệp đó và giữ không quá hai nhiệm kỳ liên tiếp.

Điều 43. Quyền, nghĩa vụ, quyền lợi của người quản lý phần vốn góp của Tổng công ty

1. Người quản lý phần vốn góp của Tổng công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Khi được ủy quyền thực hiện quyền của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh trong các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông, thành viên góp vốn, các bên liên doanh phải sử dụng quyền đó một cách cẩn trọng theo đúng chỉ đạo của Hội đồng quản trị Tổng công ty, đồng thời phải báo cáo bằng văn bản về Tổng công ty theo quy định;

b) Tham gia ứng cử vào bộ máy quản lý, điều hành của doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị Tổng công ty và theo quy định của Điều lệ doanh nghiệp đó;

c) Khi tham gia ban quản lý điều hành doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty, phải nghiên cứu, đề xuất phương hướng, biện pháp hoạt động của mình tại doanh nghiệp đó để trình Hội đồng quản trị Tổng công ty phê duyệt;

d) Đối với những vấn đề quan trọng của doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty đưa ra thảo luận trong Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Đại hội đồng cổ đông hay các thành viên góp vốn hay bên liên doanh như sửa đổi, bổ sung Điều lệ; tăng, giảm vốn điều lệ; phương hướng, chiến lược, kế hoạch kinh doanh, huy động thêm cổ phần, vốn góp, phân phối lợi nhuận, chia lợi tức; bán tài sản có giá trị lớn và các vấn đề quan trọng khác, người quản lý phần vốn góp phải xin ý kiến của Hội đồng quản trị Tổng công ty trước khi họp và biểu quyết. Trường hợp nhiều người quản lý phần vốn góp cùng tham gia Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Ban giám đốc của doanh nghiệp khác thì phải cùng nhau bàn bạc, thống nhất ý kiến khi phát biểu, biểu quyết và phải báo cáo bằng văn bản về Tổng công ty theo quy định;

đ) Khi tham gia ban quản lý, điều hành doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp chi phối của Tổng công ty, phải có trách nhiệm hướng doanh nghiệp đó đi đúng mục tiêu, chiến lược, định hướng của Tổng công ty. Khi phát hiện doanh nghiệp đi chệch mục tiêu, định hướng của Tổng công ty phải báo cáo ngay Hội đồng quản trị Tổng công ty và đề xuất giải pháp để khắc phục. Sau khi được Hội đồng quản trị Tổng công ty thông qua cần thể chế hóa thành quyết định của doanh nghiệp để nhanh chóng hướng doanh nghiệp đi đúng mục tiêu, chiến lược, định hướng đã xác định;

e) Theo dõi, giám sát tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty theo quy định của pháp luật, điều lệ doanh nghiệp. Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc theo yêu cầu của Hội đồng quản trị Tổng công ty về tình hình, kết quả hoạt động kinh doanh, vấn đề tài chính của doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty, về hiệu quả sử dụng phần vốn góp chi phối của Tổng công ty và việc thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị Tổng công ty giao;

g) Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về quản lý phần vốn góp, hiệu quả sử dụng vốn góp của Tổng công ty ở doanh nghiệp được giao quản lý phần vốn góp. Trường hợp không thực hiện chế độ báo cáo theo quy định, lợi dụng quyền đại diện phần vốn góp, thiếu trách nhiệm gây thiệt hại cho Tổng công ty và đại diện chủ sở hữu thì phải chịu trách nhiệm và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật và Quy chế quản lý tài chính của Tổng công ty.

2. Người quản lý phần vốn góp của Tổng công ty hưởng chế độ lương, thưởng hoặc thù lao, phụ cấp trách nhiệm và các quyền lợi khác theo quyết định của Hội đồng quản trị Tổng công ty và phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp người quản lý phần vốn góp của Tổng công ty giữ chức vụ Giám đốc, Tổng giám đốc tại doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty sẽ do doanh nghiệp đó trả lương, các phụ cấp lương, thưởng và các quyền lợi khác theo quy định của doanh nghiệp đó.

Chương VI

CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Điều 44. Tăng, giảm, điều chỉnh vốn Điều lệ của Tổng công ty

1. Trong quá trình hoạt động, vốn điều lệ của Tổng công ty có thể tăng lên từ các nguồn sau:

a) Lợi nhuận sau thuế bổ sung vào vốn điều lệ, kể cả lợi nhuận sau thuế được chia từ các công ty con do Tổng công ty sở hữu 100% vốn điều lệ và cổ tức được chia từ các doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của Tổng công ty;

b) Vốn do chủ sở hữu bổ sung cho Tổng công ty từ ngân sách nhà nước hoặc nguồn khác;

c) Chủ sở hữu giao, ủy quyền cho Tổng công ty thực hiện chức năng chủ sở hữu một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của một doanh nghiệp khác tham gia làm công ty con của Tổng công ty.

2. Việc điều chỉnh tăng hay giảm vốn điều lệ của Tổng công ty do Thủ tướng Chính phủ quyết định hoặc ủy quyền cho Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định theo đề nghị của Hội đồng quản trị và ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

3. Trong mọi trường hợp tăng hay giảm vốn điều lệ, Tổng công ty phải tiến hành điều chỉnh kịp thời trong bảng cân đối kế toán, công bố vốn điều lệ và làm các thủ tục điều chỉnh vốn điều lệ.

4. Chủ sở hữu chỉ được rút vốn đã đầu tư vào Tổng công ty trong trường hợp điều chỉnh giảm vốn điều lệ nhưng phải đảm bảo khả năng thanh toán của Tổng công ty. Trường hợp không điều chỉnh vốn điều lệ thì chủ sở hữu chỉ được rút vốn thông qua hình thức chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần vốn cho các tổ chức, cá nhân khác.

5. Đối với vốn chủ sở hữu đã cam kết bổ sung cho Tổng công ty thì chủ sở hữu có trách nhiệm đầu tư đủ vốn theo đúng thời hạn đã cam kết. Trường hợp sau 2 năm chủ sở hữu không đầu tư đầy đủ và đúng hạn số vốn đã cam kết thì chủ sở hữu phải điều chỉnh vốn điều lệ của Tổng công ty.

Điều 45. Nguyên tắc quản lý vốn, tài sản, doanh thu, chi phí, giá thành và phân phối lợi nhuận của Tổng công ty

1. Việc quản lý vốn, tài sản, doanh thu, chi phí, giá thành của Tổng công ty thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính của Tổng công ty.

2. Nội dung Quy chế quản lý tài chính của Tổng công ty được xây dựng dựa trên các nguyên tắc quản lý tài chính công ty nhà nước theo Nghị định số 199/2004/

NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác và các quy định pháp luật có liên quan. Quy chế quản lý tài chính tối thiểu phải gồm những nội dung sau:

- a) Cơ chế quản lý vốn và tài sản của Tổng công ty;
- b) Cơ chế quản lý doanh thu, chi phí, giá thành của Tổng công ty, trong đó quy định cụ thể thẩm quyền Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quyết định giá mua, giá bán sản phẩm, dịch vụ của Tổng công ty; quyết định việc mua trái phiếu, tín phiếu; quyết định mức chi phí giao dịch, môi giới, quảng cáo, tiếp khách, hội họp, mức trích khấu hao tài sản cố định không thấp hơn mức tối thiểu do Chính phủ quy định;
- c) Cơ chế quản lý kết quả hoạt động kinh doanh, phân phối lợi nhuận, các quỹ và mục đích sử dụng các quỹ của Tổng công ty;
- d) Mối quan hệ về tài chính giữa Tổng công ty với các công ty con và công ty liên kết.

Điều 46. Kế hoạch tài chính, kế toán, kiểm toán

1. Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

2. Trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính hàng năm của Tổng công ty. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo Thủ tướng Chính phủ kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính hàng năm của Tổng công ty làm căn cứ để giám sát và đánh giá kết quả quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.

3. Trong thời hạn 60 ngày sau khi kết thúc năm và 30 ngày sau khi kết thúc quý, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị báo cáo tài chính trong kỳ báo cáo của Tổng công ty và báo cáo tài chính hợp nhất của tổ hợp công ty mẹ - công ty con. Hội đồng quản trị có nhiệm vụ thẩm tra các báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về tính trung thực của số liệu báo cáo tài chính. Sau khi thẩm tra, Tổng công ty trình chủ sở hữu phê duyệt báo cáo tài chính và gửi đến các cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật.

4. Tổng công ty thực hiện công tác kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp

luật. Mục tiêu kiểm toán nội bộ nhằm phục vụ cho công tác điều hành của Tổng giám đốc và công tác kiểm tra, kiểm soát, giám sát của Hội đồng quản trị.

5. Tổng công ty thực hiện công khai tài chính theo quy chế dân chủ ở cơ sở và quy định của Nhà nước.

Chương VII

TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN

Điều 47. Tổ chức lại

1. Tổ chức lại Tổng công ty được tiến hành theo các hình thức sau đây:

- a) Sáp nhập vào công ty nhà nước khác;
- b) Hợp nhất các công ty nhà nước;
- c) Chia công ty nhà nước;
- d) Tách công ty nhà nước;
- đ) Chuyển công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;
- e) Khoán, cho thuê công ty nhà nước;
- g) Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc tổ chức lại, hình thức tổ chức lại Tổng công ty do Thủ tướng Chính phủ quyết định. Tổng công ty thực hiện tổ chức lại theo trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

3. Khi được tổ chức lại, Tổng công ty có nghĩa vụ và trách nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 48. Chuyển đổi sở hữu

1. Tổng công ty chuyển đổi sở hữu theo các hình thức sau:

- a) Cổ phần hóa toàn bộ Tổng công ty hoặc một bộ phận của Tổng công ty;
- b) Bán toàn bộ Tổng công ty hoặc một bộ phận của Tổng công ty.

2. Khi có quyết định chuyển đổi sở hữu, Tổng công ty tiến hành chuyển đổi theo trình tự, thủ tục của pháp luật về chuyển đổi sở hữu.

Điều 49. Giải thể

1. Tổng công ty bị giải thể trong các trường hợp sau đây:
 - a) Tổng công ty kinh doanh thua lỗ kéo dài nhưng chưa lâm vào tình trạng phá sản;
 - b) Tổng công ty không thực hiện được các nhiệm vụ do Nhà nước quy định sau khi đã áp dụng các biện pháp cần thiết;
 - c) Việc tiếp tục duy trì Tổng công ty là không cần thiết.
2. Tổng công ty thực hiện giải thể theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.
3. Việc tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng công ty do Hội đồng quản trị Tổng công ty đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 50. Phá sản Tổng công ty

1. Khi chủ nợ có yêu cầu thanh toán nợ đến hạn mà Tổng công ty lâm vào tình trạng không có khả năng thanh toán được các khoản nợ đến hạn, thì Tổng giám đốc của Tổng công ty phải nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với Tổng công ty.
2. Tổng công ty tiến hành các thủ tục phá sản theo quy định của Luật Phá sản.

Chương VIII**SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ****Điều 51. Quyền tiếp cận sổ sách và hồ sơ Tổng công ty**

1. Định kỳ hàng năm, Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi cho đại diện chủ sở hữu và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan những tài liệu theo quy định hiện hành.
2. Đại diện chủ sở hữu có quyền yêu cầu bằng văn bản Hội đồng quản trị cung cấp bất kỳ hồ sơ, tài liệu nào liên quan đến việc tổ chức thực hiện quyền của chủ sở hữu quy định tại Điều lệ này.
3. Tổng giám đốc có trách nhiệm tổ chức chuẩn bị và báo cáo để Hội đồng quản trị cung cấp hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu của đại diện chủ sở hữu. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị được Tổng giám đốc cung cấp hồ sơ, tài liệu chuẩn bị

cho các cuộc họp thường kỳ của Hội đồng quản trị. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, các cán bộ quản lý của Tổng công ty cung cấp mọi hồ sơ, tài liệu liên quan đến tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.

4. Việc quản lý hồ sơ, tài liệu thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành. Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty.

5. Người lao động trong Tổng công ty có quyền tìm hiểu thông tin về Tổng công ty thông qua Đại hội công nhân viên chức và Ban Thanh tra nhân dân.

Điều 52. Công khai thông tin

1. Tổng giám đốc là người thực hiện các quy định của pháp luật và Điều lệ này về công khai thông tin và chịu trách nhiệm về việc thực hiện các quy định này. Bộ phận lưu giữ hồ sơ, tài liệu chỉ được cung cấp thông tin ra bên ngoài theo quyết định của Tổng giám đốc hoặc người được Tổng giám đốc ủy quyền.

2. Biểu mẫu, nội dung và nơi gửi thông tin thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp có yêu cầu thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm tổ chức cung cấp thông tin theo quy định pháp luật về thanh tra, kiểm tra.

Chương IX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Việc giải quyết tranh chấp nội bộ hoặc tranh chấp liên quan đến quan hệ giữa đại diện chủ sở hữu và Tổng công ty, giữa đại diện chủ sở hữu và Hội đồng quản trị, giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc, bộ máy giúp việc được căn cứ theo Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trường hợp giải quyết tranh chấp theo Điều lệ này không được các bên chấp thuận, thì bất kỳ bên nào cũng có thể đưa ra các cơ quan có thẩm quyền về giải quyết tranh chấp để giải quyết.

Điều 54. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Mọi sửa đổi, bổ sung Điều lệ này do Thủ tướng Chính phủ quyết định.
2. Hội đồng quản trị có quyền kiến nghị Thủ tướng Chính phủ về phương án sửa đổi, bổ sung Điều lệ.

Chương X**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 55. Hiệu lực thi hành**

1. Điều lệ này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.
2. Điều lệ này thay thế Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Hàng không Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định số 04/CP ngày 27 tháng 01 năm 1996 của Chính phủ.
3. Tất cả các đơn vị và cá nhân thuộc Tổng công ty chịu trách nhiệm thi hành Điều lệ này./.

THỦ TƯỚNG**Nguyễn Tấn Dũng**

Phụ lục

**DANH SÁCH ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC,
ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP VÀ CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT
THUỘC TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**

*(Ban hành kèm theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty mẹ - Tổng công ty
Hàng không Việt Nam được phê duyệt theo
Quyết định số 259/2006/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2006
của Thủ tướng Chính phủ)*

A. TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CÔNG TY MẸ

I. Văn phòng và các ban (hoặc phòng) chuyên môn nghiệp vụ

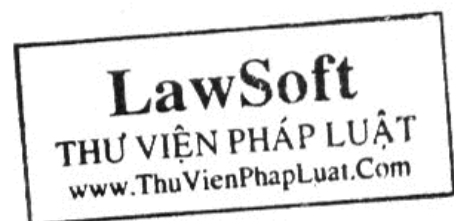
II. Đơn vị phụ thuộc

1. Đơn vị hạch toán phụ thuộc

- Xí nghiệp Thương mại mặt đất Nội Bài
- Xí nghiệp Thương mại mặt đất Đà Nẵng
- Xí nghiệp Thương mại mặt đất Tân Sơn Nhất
- Tạp chí Heritage
- Công ty Bay dịch vụ hàng không (VASCO)
- Văn phòng khu vực miền Bắc
- Văn phòng khu vực miền Trung
- Văn phòng khu vực miền Nam
- Các chi nhánh ở trong nước và ngoài nước

2. Đơn vị phụ thuộc khác

- Đoàn Bay 919
- Đoàn Tiếp viên
- Trung tâm Huấn luyện bay
- Trung tâm Kiểm soát khai thác Nội Bài
- Trung tâm Kiểm soát khai thác Tân Sơn Nhất



- Trung tâm Thống kê và tin học hàng không
- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng
- Các văn phòng đại diện ở trong nước và ngoài nước

III. Đơn vị sự nghiệp

1. Viện Khoa học hàng không

B. CÔNG TY CON

I. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn Xăng dầu hàng không
2. Công ty trách nhiệm hữu hạn Kỹ thuật máy bay

II. Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

1. Công ty TNHH Dịch vụ giao nhận hàng hóa Tân Sơn Nhất

III. Công ty cổ phần

1. Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài
2. Công ty cổ phần Dịch vụ hàng hóa Nội Bài
3. Công ty cổ phần Cung ứng và xuất nhập khẩu lao động hàng không
4. Công ty cổ phần In hàng không
5. Công ty cổ phần Dịch vụ hàng không sân bay Nội Bài
6. Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu hàng không
7. Công ty cổ phần Công trình hàng không
8. Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng và dịch vụ hàng không
9. Công ty cổ phần Cung ứng dịch vụ hàng không

IV. Công ty liên doanh với nước ngoài

1. Công ty liên doanh trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ hàng hóa Tân Sơn Nhất (TCS)
2. Công ty liên doanh Sản xuất bữa ăn trên máy bay Tân Sơn Nhất
3. Công ty liên doanh trách nhiệm hữu hạn Giao nhận hàng hóa thành phố Hồ Chí Minh (VINAKO).
4. Công ty liên doanh Phân phối toàn cầu ABACUS-Việt Nam

C. CÔNG TY LIÊN KẾT

1. Công ty cổ phần Dịch vụ hàng không sân bay Đà Nẵng
2. Công ty cổ phần Nhựa cao cấp hàng không
3. Công ty cổ phần Vận tải ô tô hàng không
4. Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Bảo Minh
5. Ngân hàng cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank)

Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng không Việt Nam bổ sung các công ty con, công ty liên kết khác theo quy định của pháp luật hiện hành./.